

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Quý
2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiên, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 263/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 373/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Danh Nguyễn Thúy H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Đường T, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Hà Tuấn A, sinh năm 1994. Địa chỉ: Đường H, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn bà H trình bày: Bà và ông A tự nguyện chung sống năm 20016 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 122/2016, ngày 30/11/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường B quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu kết hôn, cuộc sống hôn nhân của ông bà hạnh A có tình cảm với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần tha thứ và hàn gắn nhưng ông A vẫn không

thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông A để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà và ông A có 01 con chung là Hà Hoàng N, sinh ngày 18/7/2017. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Hoàng N, bà yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ thành niên, việc thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông A mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa (Biên bản ngày 29/4/2021 tổng đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập lập bản tự khai; Ngày 25/10/2021 và 19/11/2021 tổng đạt thông báo tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; Ngày 06/12/2021 và 28/12/2021 tổng đạt Thông báo về kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) nhưng ông A vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông A. Về con chung bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung 01 con chung là Hà Hoàng N, sinh ngày 18/7/2017, bà đồng ý đề nghị của ông A cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ thành niên, việc thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa và tổng đạt các quyết định theo quy định pháp luật nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tổng đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 122/2016, ngày 30/11/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường B quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ

hôn nhân của bà H và ông A là hợp pháp. Theo phiếu xác minh của Công an địa phương thì ông A hiện cư trú tại địa chỉ: Đường H, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng ông A không có mặt, không tham gia hòa giải. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Xét yêu cầu của bà H được trực tiếp nuôi con và ý kiến của ông A tại Công văn số 493/UBND ngày 04/11/2021 Ủy ban nhân dân Phường B quận T, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Hà Hoàng N, sinh ngày 18/7/2017, cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông A cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ thành niên, việc thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Về tài sản chung, nợ chung: bà H khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà H có đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông A, địa chỉ: Đường H, Phường B, quận T,, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 122/2016, ngày 30/11/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông A là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét đề nghị của Bà H yêu cầu được ly hôn ông A. Nhận thấy: Bà H và ông A kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không có tiếng nói chung, bà H kiên quyết ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu. Tại văn bản số 493/UBND ngày 04/11/2021 Ủy ban nhân dân Phường B, quận T trả lời xác minh mâu thuẫn gia đình giữa bà H và ông A có nội dung như sau: “Qua trao đổi bằng điện thoại với ông A thì ông A cho biết: ông và bà H trong thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn gia đình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, bà H đã dẫn con rời khỏi nhà không còn sống chung. Về con chung ông A đồng ý để bà H nuôi con và ông sẽ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng”. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông A không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án để làm việc theo quy định pháp luật cho thấy ông A không quan tâm đến việc hòa giải đoàn tụ với Bà H. Do đó, có cơ sở xác định bà H và ông A đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H được ly hôn với ông A theo qui định tại Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét đề nghị của đương sự về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung như sau: bà H và ông A có 01 con chung là Hà Hoàng N, sinh ngày 18/7/2017. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Theo văn bản xác minh do Ủy ban nhân dân Phường B, quận T cung cấp có ghi nhận ý kiến của ông A đồng ý để bà H nuôi con và ông cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Do đó hội đồng xét xử chấp nhận giao bà H trực tiếp nuôi con chung, ông A cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ thành niên, việc thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai không có nên không xem xét. Ông A vắng mặt không gửi văn bản ghi ý kiến về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: căn cứ Khoản 5, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0069273 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 19, Điều 51, Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 5, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H:

- Về hôn nhân: bà Danh Nguyễn Thúy H được ly hôn với ông A.

- Về con chung: giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Hoàng N, sinh ngày 18/7/2017, ông A cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên, việc thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí: bà H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được tính vào tạm ứng án phí do bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0069273 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (Hiên/12)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)
Bùi Thụy Hồng Châu

